

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2014/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 80/2013/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 (sau đây gọi tắt là Luật xử lý vi phạm hành chính). Mức tiền phạt tối đa áp dụng xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 80/2013/NĐ-CP.

2. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, người có thẩm quyền đang thi hành công vụ quy định tại Chương III Nghị định số 80/2013/NĐ-CP phải buộc tổ chức, cá nhân chấm dứt ngay hành vi vi phạm. Việc buộc chấm dứt hành vi vi phạm được thể hiện trong biên bản làm việc hoặc biên bản thanh tra, kiểm tra hoặc biên bản vi phạm hành chính hoặc kết luận thanh tra, kiểm tra.

3. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa quy định tại Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 80/2013/NĐ-CP thực hiện quyền xử phạt theo quy định tại Nghị định này. Người không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có trách nhiệm chuyển ngay hồ sơ vụ việc vi phạm hành chính cho người có thẩm quyền xử phạt để xem xét xử lý.

Điều 4. Xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm

1. Việc xác định tổng giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm tại thời điểm vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định số 80/2013/NĐ-CP được tính theo công thức sau:

Tổng giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm = số lượng sản phẩm, hàng hóa vi phạm phát hiện được x giá sản phẩm, hàng hóa vi phạm tại thời điểm vi phạm hành chính.

Căn cứ để xác định giá trị sản phẩm, hàng hóa vi phạm được thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Tùy từng loại sản phẩm, hàng hóa vi phạm, việc xác định giá trị dựa trên một trong các căn cứ theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Giá niêm yết hoặc giá ghi trên hợp đồng hoặc hóa đơn mua bán hoặc tờ khai nhập khẩu;

b) Giá theo thông báo của cơ quan tài chính địa phương; trường hợp không có thông báo giá thì theo giá thị trường của địa phương tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính;

c) Giá thành của sản phẩm, hàng hóa nếu là hàng hóa còn lưu kho của cơ sở sản xuất và chưa xuất bán hoặc là giá thị trường của sản phẩm, hàng hóa có cùng tính năng, kỹ thuật, công dụng tại thời điểm xảy ra vi phạm hành chính.

Điều 5. Xác định số lợi bất hợp pháp có được do vi phạm hành chính

1. Việc xác định số lợi bất hợp pháp có được do vi phạm hành chính quy định tại Khoản 5 Điều 8, Điểm b Khoản 7 Điều 10, Khoản 3 Điều 14, Khoản 3 Điều 15, Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 80/2013/NĐ-CP được thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 86/2012/NĐ-CP).

2. Số lợi bất hợp pháp có được do vi phạm hành chính phải được ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không căn cứ theo mức phạt tối đa quy định tại Nghị định số 80/2013/NĐ-CP và phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 6. Kết luận về sai số của phương tiện đo và sai số của phép đo

Việc kết luận về sai số của phương tiện đo và sai số của phép đo chỉ bảo đảm tính pháp lý khi được thực hiện bởi một trong các tổ chức, cá nhân sau đây:

1. Kiểm định viên đo lường được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận và cấp thẻ;
2. Thanh tra viên Khoa học và Công nghệ; công chức thanh tra chuyên ngành Khoa học và Công nghệ;
3. Trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra chuyên ngành Khoa học và Công nghệ;
4. Cơ quan quản lý nhà nước về đo lường.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ ĐO LƯỜNG

Điều 7. Hành vi vi phạm trong sản xuất phương tiện đo quy định tại Điều 6 Nghị định số 80/2013/NĐ-CP

1. Hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 6 là hành vi của tổ chức, cá nhân sản xuất phương tiện đo nhưng không ghi, khắc đơn vị đo hoặc ghi, khắc đơn vị đo không theo đơn vị đo pháp định quy định tại Nghị định số 86/2012/NĐ-CP.

2. Hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 6 là hành vi của tổ chức, cá nhân sản xuất phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo nhóm 2 nhưng

phương tiện đo này chưa có quyết định phê duyệt mẫu của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

3. Hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều 6 là hành vi của tổ chức, cá nhân sản xuất phương tiện đo có một hoặc nhiều chi tiết bị thay đổi so với hồ sơ của mẫu phương tiện đo nhóm 2 đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng phê duyệt.

4. Tước quyền sử dụng quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo quy định tại Khoản 5 Điều 6 là việc người có thẩm quyền quy định tại Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ra quyết định tước quyền sử dụng quyết định phê duyệt mẫu từ 01 tháng đến 03 tháng để tổ chức, cá nhân vi phạm thực hiện sửa chữa phương tiện đo phù hợp với mẫu phương tiện đo được phê duyệt.

Điều 8. Hành vi vi phạm trong nhập khẩu phương tiện đo quy định tại Điều 7 Nghị định số 80/2013/NĐ-CP

1. Hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 7 là hành vi của tổ chức, cá nhân nhập khẩu phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo nhóm 2 nhưng không có quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

2. Hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều 7 là hành vi của tổ chức, cá nhân nhập khẩu phương tiện đo không đúng với hồ sơ của mẫu phương tiện đo nhóm 2 đã phê duyệt được lưu tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc tại tổ chức, cá nhân nhập khẩu phương tiện đo.

Điều 9. Hành vi vi phạm trong buôn bán phương tiện đo quy định tại Điều 9 Nghị định số 80/2013/NĐ-CP

1. Hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 9 là hành vi của tổ chức, cá nhân buôn bán phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo nhóm 2 không có hoặc không xuất trình với cơ quan có thẩm quyền giấy chứng nhận kiểm định hoặc tem kiểm định hoặc dấu kiểm định (sau đây gọi tắt là chứng chỉ kiểm định).

2. Hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 9 là hành vi của tổ chức, cá nhân buôn bán phương tiện đo thuộc Danh mục phương tiện đo nhóm 2 nhưng phương tiện đo này không có quyết định phê duyệt mẫu của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Điều 10. Hành vi vi phạm trong sử dụng phương tiện đo nhóm 2 quy định tại Điều 10 Nghị định số 80/2013/NĐ-CP

1. Hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 10 là hành vi của tổ chức, cá nhân khi sử dụng phương tiện đo có một trong các vi phạm sau:

a) Không có chứng chỉ kiểm định phù hợp theo quy định tại Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (sau đây gọi tắt là Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN);

b) Sử dụng chứng chỉ kiểm định đã bị tẩy xóa hoặc sửa chữa nội dung (trừ thời hạn kiểm định).

2. Hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 10 là hành vi của tổ chức, cá nhân tự ý tháo dỡ chứng chỉ kiểm định, sau đó gắn lại hoặc dán lại chứng chỉ kiểm định lên phương tiện đo mà không có sự chứng kiến của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng địa phương.

3. Hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 10 là hành vi của tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện đo nhóm 2 theo quy định phải được kiểm định định kỳ bằng hình thức kiểm định đối chứng nhưng tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện đo này không thực hiện kiểm định tại tổ chức kiểm định được chỉ định kiểm định đối chứng.

4. Hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều 10 là hành vi của tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện đo có một trong các vi phạm sau:

a) Phương tiện đo đang sử dụng không bảo đảm đúng quy định quản lý kỹ thuật đo lường đối với từng loại phương tiện đo cụ thể;

b) Phạm vi đo hoặc cấp chính xác không phù hợp với mục đích sử dụng;

c) Sai số phương tiện đo không phù hợp quy định về kỹ thuật đo lường.

5. Hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 10 là hành vi sử dụng chứng chỉ kiểm định không do tổ chức kiểm định quy định tại Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN cấp; tẩy xóa, sửa chữa thời hạn chứng chỉ kiểm định.

6. Hành vi vi phạm quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 5 Điều 10 là hành vi của tổ chức, cá nhân khi sử dụng phương tiện đo có một trong các vi phạm sau:

a) Phương tiện đo đang sử dụng có chứng chỉ kiểm định còn hiệu lực nhưng tổ chức, cá nhân sử dụng tự sửa chữa hoặc thay thế, lắp thêm, rút bớt chi tiết, thiết bị;

b) Phương tiện đo đang sử dụng có chứng chỉ kiểm định còn hiệu lực nhưng tổ chức, cá nhân tự ý điều chỉnh một hoặc nhiều chi tiết;

c) Phương tiện đo đang sử dụng có chứng chỉ kiểm định còn hiệu lực nhưng tổ chức, cá nhân đã có tác động vào một hoặc nhiều chi tiết của phương tiện đo làm thay đổi tình trạng kỹ thuật và đặc tính đo lường của phương tiện đo, không phụ thuộc vào kết quả kiểm tra sai số phương tiện đo.

Ví dụ: Trường hợp phương tiện đo của tổ chức, cá nhân đang hoạt động bình thường khi kiểm tra đột xuất về sai số, kết quả cho sai số lớn hơn sai số cho phép và tại phương tiện đo vừa kiểm tra sai số nêu trên, khi tắt nguồn điện và tiến hành kiểm tra lại sai số thì sai số nằm trong giới hạn cho phép. Việc làm nêu trên chứng